

上上下下

Example Sentences

Tā shàng shàng xià xià dǎ liàng le wǒ yī fān
他上上下下打量了我一番。

He looked me up and down.

gōng sī shàng shàng xià xià dōu zhī chí zhè ge jué dìng
公司上上下下都支持这个决定。

Everyone in the company, from top to bottom, supports this decision.

Trace each character, then write the word on your own.

上 上 上 上 上 上

上 上 上 上 上 上

下 下 下 下 下 下

下 下 下 下 下 下